

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2019**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1 . Mục lục	1
2 . Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3 . Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	5 - 8
4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý IV năm 2019	9
5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý IV năm 2019	10 - 11
6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2019	12 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính quý IV của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 ngày 05 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 14 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.239.736.160.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Địa chỉ : Nội.
Điện thoại : 043 827 1620
Fax : 043 827 1068
E-mail : ducgiangchemco@hn.vnn.vn
Mã số thuế : 0 1 0 1 4 5 2 5 8 8

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải bằng đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: bán buôn phụ gia thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: cho thuê nhà xưởng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; chi tiết: sản xuất các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: buôn bán máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất thiết bị điện khác, chi tiết: sản xuất máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất máy móc, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, chi tiết: sản xuất các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ, chi tiết: sản xuất các mặt hàng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất các mặt hàng sắt, thép;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, chi tiết: sản xuất các mặt hàng kim loại màu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Bán buôn kim loại màu và quặng kim loại, chi tiết: buôn bán sắt, thép, kim loại màu;
- Sản xuất hóa chất cơ bản, chi tiết: sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: khai thác, thăm dò và chế biến khoáng sản; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2019
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2019
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm 29 tháng 3 năm 2019
Ông Vũ Nhất Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2019

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2019
Ông Vũ Minh Thuyết	Thành viên	Miễn nhiệm 29 tháng 3 năm 2019
Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên	Bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2019
Ông Vũ Văn Ngo	Thành viên	Tái bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2019

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đào Hữu Huyền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2010
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 23 tháng 3 năm 2013
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 2 tháng 2 năm 2015

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý IV, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý IV và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý IV của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu
- so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục
- hoạt động liên tục;
Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài
- chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty mẹ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Tổng Giám đốc

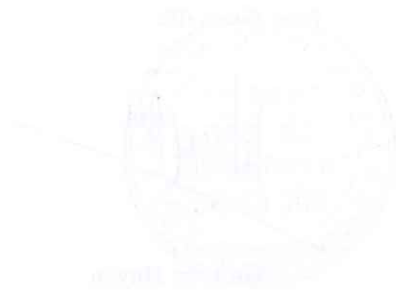


Đào Hữu Huyền

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2020

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT
5300 S. DICKINSON DRIVE
CHICAGO, ILLINOIS 60637
TEL: (773) 936-3700
WWW.PHYSICS.UCHICAGO.EDU



PHYSICS DEPARTMENT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ IV

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.262.148.648.038	2.135.742.164.879
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	127.689.713.963	274.286.866.922
1. Tiền	111		67.644.508.484	19.461.935.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.045.205.479	254.824.931.507
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		642.746.167.705	245.600.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	642.746.167.705	245.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		634.723.216.050	749.598.412.173
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	567.352.857.796	708.965.080.418
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	45.168.943.492	32.006.316.867
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	22.201.414.762	8.627.014.888
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		808.234.617.947	796.639.449.816
1. Hàng tồn kho	141	V.7	808.234.617.947	796.639.449.816
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.754.932.373	69.617.435.968
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.958.530.284	5.989.641.854
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.971.375.089	62.622.272.572
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	825.027.000	1.005.521.542
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý IV (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.459.216.610.516	2.594.254.229.062
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.303.453.689.228	2.326.983.106.012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.193.424.582.099	2.213.982.708.033
<i>Nguyên giá</i>	222		3.458.866.866.412	3.223.957.800.810
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.265.442.284.313)	(1.009.975.092.777)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	110.029.107.129	113.000.397.979
<i>Nguyên giá</i>	228		128.545.311.819	128.545.311.819
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(18.516.204.690)	(15.544.913.840)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52.071.618.773	178.013.986.690
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	52.071.618.773	178.013.986.690
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		103.691.302.515	89.257.136.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	98.865.940.939	83.880.304.891
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	4.825.361.576	5.376.831.469
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.721.365.258.554	4.729.996.393.941

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý IV (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.270.278.035.555	1.564.572.904.360
I. Nợ ngắn hạn	310		1.270.278.035.555	1.564.572.904.360
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	129.987.594.733	205.790.639.444
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	47.778.300.982	22.664.128.953
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	39.529.061.663	29.321.633.129
4. Phải trả người lao động	314		71.614.339.528	70.342.283.407
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	17.367.782.626	18.696.168.208
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	134.989.215.700	6.389.712.461
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	735.135.200.647	1.133.082.225.435
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	93.876.539.676	78.286.113.323
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý IV (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.451.087.222.999	3.165.423.489.581
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	3.451.087.222.999	3.165.423.489.581
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.293.636.160.000	1.078.038.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.293.636.160.000	1.078.038.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.786.667.372.400	1.786.667.372.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.113.960.026.039)	(1.113.960.026.039)
5. Cổ phiếu quỹ	415		(8.730.000)	(8.730.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		522.076.561.127	378.470.671.196
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		835.163.522.104	913.544.702.717
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		398.381.480.962	46.215.673.228
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		436.782.041.142	867.329.029.489
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		127.512.363.407	122.671.389.307
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.721.365.258.554	4.729.996.393.941

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kê toán trưởng

Đào Thị Mai

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2020



Đào Hữu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV

(Dạng đầy đủ)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.449.695.602.093	1.729.820.144.190	5.092.175.082.845	6.091.508.717.156
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	207.753.101	8.876.431	1.293.309.161	1.368.505.137
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.449.487.848.992	1.729.811.267.759	5.090.881.773.684	6.090.140.212.019
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.131.556.998.357	1.267.364.999.408	4.140.884.265.629	4.727.807.758.080
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		317.930.850.635	462.446.268.351	949.997.508.055	1.362.332.453.939
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	22.075.151.045	10.983.658.344	65.764.685.964	47.451.813.183
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	16.674.331.166	19.332.158.676	61.189.001.730	56.130.010.206
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		8.758.866.807	10.166.554.925	31.568.734.853	25.578.448.873
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24				-	(2.126.546.311)
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	104.311.900.874	148.948.440.819	253.738.201.224	341.857.107.384
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.043.808.793	31.656.407.544	100.773.266.623	81.391.231.497
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		185.975.960.847	273.492.919.656	600.061.724.442	928.279.371.724
12.	Thu nhập khác	31	VI.8	3.923.069.417	618.327.905	11.465.853.240	2.735.796.347
13.	Chi phí khác	32	VI.9	6.963.446.463	2.090.355.763	12.504.151.646	24.406.039.891
14.	Lợi nhuận khác	40		(3.040.377.046)	(1.472.027.858)	(1.038.298.406)	(21.670.243.544)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		182.935.583.801	272.020.891.798	599.023.426.036	906.609.128.180
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		8.926.478.758	9.440.424.911	28.037.667.810	33.802.110.194
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		174.009.105.043	262.580.466.887	570.985.758.226	872.807.017.986
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		168.393.157.677	259.510.937.293	566.144.784.140	869.783.245.921
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.615.947.367	3.069.529.594	4.840.974.086	3.023.772.065
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.277	2.407	4.379	12.389
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.277	2.407	4.379	12.389

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thúy Hà

Đào Thị Mai

Đào Hữu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ IV

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	599.023.426.036	906.609.128.180
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	259.640.435.398	212.462.715.808
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.684.696.442	671.391.167
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(33.247.229.643)	(16.979.719.806)
- Chi phí lãi vay	06	31.568.734.853	25.578.448.873
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	861.670.063.086	1.128.341.964.222
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	126.514.994.733	(568.085.480.245)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.595.168.131)	(762.078.662.949)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(33.509.322.298)	1.025.174.012.990
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(15.505.994.372)	(57.894.779.651)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(27.417.609.722)	(24.871.752.347)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(30.302.110.194)	(35.505.245.288)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.360.632.331)	(140.948.981.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	840.494.220.771	564.131.075.023
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(113.961.657.862)	(402.857.780.179)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.042.186.421	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(565.498.816.692)	(245.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	184.282.467.400	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.557.608.630	12.018.312.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(467.578.212.103)	(636.439.467.308)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý IV (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		53.900.000.000	(268.150.000)
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.940.050.848.103	3.095.117.794.356
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.351.759.630.740)	(2.830.862.368.774)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(161.704.407.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(519.513.189.637)</i>	<i>263.987.275.582</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(146.597.180.969)	191.678.883.297
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	274.286.866.922	82.619.005.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.010	(11.021.876)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>127.689.713.963</u>	<u>274.286.866.922</u>

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh chính : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Cho thuê nhà xưởng;
Sản xuất và buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng;
Sản xuất và buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất;
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính bao gồm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Cụm Công nghiệp Tầng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (*)	Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100,00%	100,0%	100,0%	60,0%
Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam (**)	Khu Công nghiệp Tầng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất	51,00%	51,0%	51,0%	51,0%

(*) Tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ là 30%, tỷ lệ vốn góp của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai là 70%. Do vậy Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ là 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

() Tỷ lệ vốn góp gián tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần Phốt Pho Apatit Việt Nam là 51% do tỷ lệ vốn góp của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai trong công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam là 51%.*

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty có 1716 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.792 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 tháng

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (đến năm 2061).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại và phụ trội hợp nhất

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm tài chính.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc một nhóm các đối tượng. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc một nhóm cá nhân theo một thỏa thuận. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu (trình bày trên chỉ tiêu “Vốn khác của chủ sở hữu”).

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán năm, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu trình bày phần phụ trội do hợp nhất kinh doanh giữa các đơn vị cùng chịu sự kiểm soát chung của một nhóm cổ đông, được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ thuần của công ty con được mua so với giá phí hợp nhất kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.223.185.944	3.216.654.124
Tiền gửi ngân hàng	66.421.322.540	16.245.281.291
Các khoản tương đương tiền	60.045.205.479	254.824.931.507
Cộng	<u>127.689.713.963</u>	<u>274.286.866.922</u>

2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	10.838.392.052	4.177.515.773
Công ty TNHH Văn Minh	10.838.392.052	4.177.515.773

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu các khách hàng khác	556.514.465.744	704.787.564.645
Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	673.224.497	1.028.390.000
Khách mua HPO	71.386.401.289	125.762.066.176
Khách mua P4	206.271.017.754	274.824.678.199
Khách mua WPA	166.292.923.403	185.627.978.339
Khách mua phân bón	103.750.018.875	115.137.626.357
Các đối tượng khác	8.140.879.926	2.406.825.574
Cộng	567.352.857.796	708.965.080.418
3 Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>45.168.943.492</i>	<i>32.006.316.867</i>
Ban quản lý dự án GPMB & TDC Tầng Loong	4.103.948.410	4.103.948.410
NanNing Dejiang Trading Co., Ltd	8.659.175.579	8.353.034.004
Các nhà cung cấp khác	32.405.819.503	19.549.334.453
Cộng	45.168.943.492	32.006.316.867
4 Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>22.201.414.762</i>	<i>8.627.014.888</i>
Tạm ứng	232.793.000	1.599.059.399
Ký cược, ký quỹ	31.750.000	31.750.000
Lãi dự thu	12.494.555.743	5.806.461.379
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.442.316.019	1.189.744.110
Cộng	22.201.414.762	8.627.014.888
5 Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	418.391.724.419	431.390.953.522
Công cụ, dụng cụ	49.336.167	27.722.305
Chi phí sản xuất KD dở dang	33.480.531.105	20.280.758.655
Thành phẩm	356.313.026.256	344.940.015.334
Cộng	808.234.617.947	796.639.449.816
6 Chi phí trả trước		
6a Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	903.074.240	1.304.178.608
Phí sử dụng đường bộ, bảo hiểm xe	199.596.189	187.066.788
Chi phí vận chuyển	4.292.266.907	2.958.381.217
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	563.592.948	1.540.015.241
Cộng	5.958.530.284	5.989.641.854
6b Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	27.072.024.929	28.096.067.249

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất tại Hưng Yên	26.505.720.820	28.600.000.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	45.288.195.190	27.184.237.642
Cộng	98.865.940.939	83.880.304.891

7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật	Máy móc và thiết	Phương tiện vận	Thiết bị, dụng cụ	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.746.584.335.761	1.323.948.079.315	143.094.878.066	10.330.507.668	3.223.957.800.810
Tăng trong do mua mới	6.810.430.237	38.934.522.719	2.211.132.325	64.709.090	48.020.794.371
Tăng do XDCB hoàn thành	73.251.099.652	115.540.802.804	2.549.864.283	1.328.975	191.343.095.714
Giảm trong kỳ do thanh lý	(2.262.215.377)	(313.287.470)	(1.879.321.636)		(4.454.824.483)
Số cuối kỳ	1.824.383.650.273	1.478.110.117.368	145.976.553.038	10.396.545.733	3.458.866.866.412
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	394.254.954.338	547.490.963.365	66.466.036.789	1.763.138.285	1.009.975.092.777
Tăng do khấu hao trong kỳ	111.924.015.097	127.786.151.211	18.656.355.685	1.054.969.948	259.421.491.941
Giảm trong kỳ do thanh lý	(2.262.215.377)	(110.072.483)	(1.136.048.909)	(445.963.636)	(3.954.300.405)
Số cuối kỳ	503.916.754.058	675.167.042.093	83.986.343.565	2.372.144.597	1.265.442.284.313
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.352.329.381.423	776.457.115.950	76.628.841.277	8.567.369.383	2.213.982.708.033
Số cuối kỳ	1.320.466.896.214	802.943.075.274	61.990.209.473	8.024.401.136	2.193.424.582.098

8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	127.499.472.819	1.045.839.000	128.545.311.819
Tăng do XDCB hoàn thành	-		-
Số cuối kỳ	127.499.472.819	1.045.839.000	128.545.311.819
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	14.973.837.198	571.076.642	15.544.913.840
Tăng do khấu hao trong kỳ	2.796.014.241	175.276.609	2.971.290.850
Số cuối kỳ	17.769.851.439	746.353.251	18.516.204.690
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	112.525.635.621	474.762.358	113.000.397.979
Số cuối kỳ	109.729.621.380	299.485.749	110.029.107.129

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất	Chi phí PS trong	KC vào TSCĐ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	178.013.986.690		113.392.304.540	239.334.672.457	52.071.618.773
Dự án mỏ quặng apatit	9.191.957.389				9.191.957.389
Dự án nhà máy SX tại Hưng Yên	126.051.872.879		26.608.363.261	152.660.236.140	
Dự án nhiệt điện	13.787.175.419				13.787.175.419
Dự án chung cư Đức Giang			340.187.000		340.187.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công trình xây dựng của Đức Giang Lào Cai	4.610.236.693	54.300.905.342	30.166.257.070	28.744.884.965
Công trình nhà máy Phốt pho Apatit Việt Nam	24.372.744.310	32.142.848.937	56.508.179.247	7.414.000
Công trình khác				
Sửa chữa lớn TSCĐ				
Số cuối kỳ	178.013.986.690	113.392.304.540	239.334.672.457	52.071.618.773

10 Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		1.998.511.241
Công ty TNHH Văn Minh		1.998.511.241
Phải trả nhà cung cấp khác	129.987.594.733	203.792.128.203
Hekou Yuyang Trade Company		31.442.235.282
CTY CP ĐẦU TƯ TM XNK VIỆT PHÁT		19.364.353.209
Công ty cổ phần VICTORY	14.557.331.769	
Sumitomo Corporation	5.854.789.308	
Các nhà cung cấp khác	109.575.473.656	152.985.539.712
Cộng	129.987.594.733	205.790.639.444

11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên có liên quan		
Trả trước của các khách hàng khác	47.778.300.982	22.664.128.953
Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu An An		4.292.000.000
Công ty cổ phần lương thực vật tư nông nghiệp Ngh		15.099.000.000
Các khách hàng khác	47.778.300.982	3.273.128.953
Cộng	47.778.300.982	22.664.128.953

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Bù trừ thuế GTGT được	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			76.162.897.093	67.871.447.108		8.291.449.985	
Thuế GTGT hàng bán	251.270.702		11.267.964.702	5.982.128.359		5.537.107.045	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	907.029.560	114.722.979.706	112.990.923.146	-		825.027.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.302.110.194		28.037.667.810	30.302.110.194	-	23.037.667.810	
Thuế thu nhập cá nhân	3.768.252.233		11.295.521.125	12.400.936.535	-	2.662.836.823	
Các loại thuế khác			1.599.475.307	1.599.475.307		-	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		98.491.982	3.525.671.814	3.427.179.832		-	
Cộng	29.321.633.129	1.005.521.542	241.487.030.436	229.547.545.342	-	39.529.061.663	825.027.000

Account	Debit	Credit	Balance
1000 Cash		1000.00	1000.00
2000 Accounts Payable	500.00		500.00
3000 Accounts Receivable		500.00	500.00
4000 Inventory		500.00	500.00
5000 Equipment		500.00	500.00
6000 Accumulated Depreciation			
7000 Common Stock		1000.00	1000.00
8000 Retained Earnings			
9000 Dividends	100.00		100.00
10000 Interest Expense	100.00		100.00
11000 Interest Revenue		100.00	100.00
12000 Sales Revenue		1000.00	1000.00
13000 Cost of Sales	500.00		500.00
14000 Selling Expenses	100.00		100.00
15000 Administrative Expenses	100.00		100.00
16000 Depreciation Expense	100.00		100.00
17000 Income Tax Expense	100.00		100.00
18000 Income Tax Payable		100.00	100.00
19000 Dividends Payable		100.00	100.00
20000 Cash			
21000 Accounts Payable			
22000 Accounts Receivable			
23000 Inventory			
24000 Equipment			
25000 Accumulated Depreciation			
26000 Common Stock			
27000 Retained Earnings			
28000 Dividends			
29000 Interest Expense			
29000 Interest Revenue			
30000 Sales Revenue			
30000 Cost of Sales			
30000 Selling Expenses			
30000 Administrative Expenses			
30000 Depreciation Expense			
30000 Income Tax Expense			
30000 Income Tax Payable			
30000 Dividends Payable			

The following table shows the trial balance for the company as of the end of the period. The trial balance is a statement that lists all the accounts and their balances. It is used to check the accuracy of the accounting records.

The trial balance is divided into two columns: Debit and Credit. The total debits must equal the total credits. If they do not, there is an error in the accounting records.

The trial balance for the company as of the end of the period is as follows:

Account	Debit	Credit
Cash	1000.00	
Accounts Payable		500.00
Accounts Receivable		500.00
Inventory		500.00
Equipment		500.00
Common Stock		1000.00
Retained Earnings		
Dividends	100.00	
Interest Expense	100.00	
Interest Revenue		100.00
Sales Revenue		1000.00
Cost of Sales	500.00	
Selling Expenses	100.00	
Administrative Expenses	100.00	
Depreciation Expense	100.00	
Income Tax Expense	100.00	
Income Tax Payable		100.00
Dividends Payable		100.00
Total	3000.00	3000.00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	599.023.426.036	906.609.128.180
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	8.045.411.018	4.004.072.526
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.045.411.018	4.067.827.088
Thu nhập chịu thuế	607.068.837.054	910.613.200.706
Thu nhập được miễn thuế	(376.372.549.586)	(270.000.000.000)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	230.696.287.468	640.613.200.706
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	28.037.667.810	33.802.110.194

Tiền thuê đấtCông ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 54.312m² và 1.739,8m² đất đang sử dụng với mức thuê lần lượt là 3.124.177.699VND/năm và 30.624.029VND/năm theo quy định tại thông báo của cơ quan thuế**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền điện	16.774.290.065	17.286.459.088
Chi phí trích trước khác		703.012.594
Chi phí lãi vay phải trả	593.492.561	706.696.526
Cộng	17.367.782.626	18.696.168.208

14 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên có liên quan		
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	134.989.215.700	6.389.712.461
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	5.572.248	28.152.645
Kinh phí công đoàn	636.056.173	834.174.411
Tiền nhận đặt cọc xe	3.268.131.939	2.200.694.439
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.419.370.033	1.276.108.145
Phải trả phải nộp khác	660.085.307	2.050.582.821
Cộng	134.989.215.700	6.389.712.461

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả năng
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>			<i>136.050.303.195</i>	<i>136.050.303.195</i>
Ông Đào Hữu Duy Anh (i)			136.050.303.195	136.050.303.195
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>735.135.200.647</i>	<i>735.135.200.647</i>	<i>997.031.922.240</i>	<i>997.031.922.240</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	735.135.200.647	735.135.200.647	997.031.922.240	997.031.922.240
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch HN (ii)	265.704.425.697	265.704.425.697	245.658.173.482	245.658.173.482
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (iii)	272.420.670.995	272.420.670.995	387.037.559.705	387.037.559.705
- Ngân hàng TMCP ACB - Chi nhánh Hoàng Cầu (iv)	36.169.673.721	36.169.673.721		
- Ngân hàng TMCP Quân đội - MBBank (v)			29.942.055.000	29.942.055.000
- Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Thành (v)	50.834.060.000	50.834.060.000	196.669.862.145	196.669.862.145
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai (vi)	110.006.370.234	110.006.370.234	137.724.271.908	137.724.271.908
Vay ngắn hạn tổ chức khác				
	<u>735.135.200.647</u>	<u>735.135.200.647</u>	<u>1.133.082.225.435</u>	<u>1.133.082.225.435</u>

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch theo hợp đồng cấp tín dụng số KH1-180089/HĐCTD/DGL ngày 21/06/2018, hạn mức tối đa 600.000.000.000 VND, thời hạn rút vốn đến hết ngày 21 tháng 06 năm 2019, mục đích bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại cho đơn vị, lãi suất thay đổi theo thời điểm nhận nợ.

Khoản Công ty mẹ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2017/HĐTDK ngày 28 tháng 12 năm 2017. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội theo các thỏa thuận, hợp đồng sau:

Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai vay theo thỏa thuận chung về tiện ích số VHN 150592 và bản sửa đổi ngày 09/07/2018, hạn mức cho vay hỗn hợp không vượt quá 15.000.000 USD hoặc VND tương đương, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay được quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 120 ngày kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất vay được quy định theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng hóa trong kho của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Phốt Pho Apatit Lào Cai vay theo hợp đồng số VHN 154322 ngày 30 tháng 11 năm 2018; tổng hạn mức tiện ích là 5.200.000 USD hoặc VND tương đương; mục đích để nhập khẩu và/hoặc mua trong nước nguyên vật liệu và/hoặc nhu cầu vốn lưu động khác, thanh toán các chi phí cho việc sản xuất hay quá trình chuẩn bị cho việc bán sản phẩm và được quy trực tiếp thành hàng hóa bán ra. Lãi suất tính lãi sẽ là lãi suất cụ thể do Ngân hàng xác định và thông báo cho Công ty sau khi giải ngân khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng một bảo lãnh Công ty từ Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang với trị giá 5.200.000 USD kèm theo một bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Nghị quyết Hội đồng Quản trị của bên bảo lãnh chấp nhận các điều khoản và điều kiện của bảo lãnh và ủy quyền người ký bảo lãnh; một bảo lãnh Công ty từ Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Lào Cai với trị giá 5.200.000 USD kèm theo một bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Nghị quyết Hội đồng Quản trị của bên bảo lãnh chấp nhận các điều khoản và điều kiện của bảo lãnh và ủy quyền người ký bảo lãnh. Để đảm bảo cho hạn mức hỗn hợp, Công ty đồng ý cung cấp cho Ngân hàng Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty với trị giá ít nhất là 5.000.000 USD cho toàn bộ tiện ích được cấp và chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm do cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan cấp.

(iv)

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số HCA.DN.129.241117 ngày 12/01/2018. Hạn mức cho vay là 231.000.000.000 VND, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hợp đồng sản xuất kinh doanh hóa chất và phát hành bảo lãnh tín dụng thư nhập khẩu trả ngay (L/C at sight). Thời hạn cho vay được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ hoặc Thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ hàng xuất khẩu, tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay quy định trên từng Khế ước nhận nợ, Thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ hàng xuất khẩu, Thư xuất trình chứng từ kèm Giấy đề nghị chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu. Tài sản đảm bảo là khoản phải thu và quyền phát sinh là các khoản tiền và toàn bộ quyền lợi, lợi ích mà Công ty có được từ Bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức L/C;

(v)

Khoản Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 12/02/2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 28/11/2018. Hạn mức tín dụng 200.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phốt pho vàng, lãi suất quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Giá trị hàng tồn kho luân chuyển của đơn vị hình thành trong tương lai từ vốn vay của Ngân hàng TMCP Quân đội tương đương với nghĩa vụ của khách hàng không thấp hơn 50 tỷ đồng.

(vi)

Khoản Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (DLC) vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai. Hạn mức cho vay là 250.000.000.000 VND, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của DLC. Thời hạn vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng, lãi suất cho vay của khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay thông thường đối với đồng đô la Mỹ tại thời điểm ký hợp đồng là 4,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân tại ngày ký hợp đồng, lãi suất vay được điều chỉnh hàng tháng. Tài sản bảo đảm là Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng góp vốn của DLC tại Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ; Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy sản xuất axit thực phẩm và các muối photphat tại KCN Tăng Loóng, Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay với tổng giá trị tối thiểu bằng tỷ lệ cấp tín dụng của ngân hàng so với các TCTD khác nhưng không thấp hơn 250 tỷ đồng mọi thời điểm; Quyền tài sản và giấy tờ có giá của DLC theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(vii)

Khoản Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (DLC) vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 13/06/2018. Hạn mức tín dụng hỗn hợp là 200.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 13 tháng 06 năm 2019, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của DLC và phát hành bảo lãnh trong nước, phát hành bảo lãnh tín dụng thu nhập khẩu L/C. Thời hạn vay được quy định cụ thể trên từng Hợp đồng cụ thể; Lãi suất cho vay được ghi trên từng Hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	997.031.922.240	136.050.303.195		1.133.082.225.435
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	2.944.494.751.033			2.944.494.751.033
Tăng do CLTG cuối kỳ	12.633.030.780			12.633.030.780
Tăng do CLTG trong kỳ	5.018.779.543			5.018.779.543
Tăng do lãi nhập gốc		4.264.329.096		4.264.329.096
Số tiền vay đã trả trong kỳ	3.211.444.998.449	140.314.632.291		3.351.759.630.740
Giảm do CLTG trong kỳ	12.598.284.500			12.598.284.500
Số cuối kỳ	735.135.200.647			735.135.200.647

16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ	Cộng
Số đầu năm	10.816.619.301	17.935.670.101	49.533.823.921	78.286.113.323
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		48.254.875.971		48.254.875.971
Chi quỹ trong kỳ	3.676.088.000	25.684.544.331	3.303.817.287	32.664.449.618
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ				
Trích khấu hao				
Số cuối kỳ	7.140.531.301	40.506.001.741	49.533.823.921	93.876.539.676

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	500.088.750.000	1.072.000.000	(8.730.000)	-	105.260.859.718	59.781.325.462	-	666.194.205.180
Phát hành cổ phiếu	577.949.360.000	1.785.863.522.400	-	-	264.731.278.832	(2.454.216.432)	119.647.617.242	2.363.812.882.400
Tăng do hợp nhất	-	-	-	(1.113.960.026.039)	8.478.532.646	(13.565.652.234)	-	(732.035.346.397)
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	869.783.245.921	3.023.772.065	(5.087.119.588)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	872.807.017.986
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(268.150.000)	-	-	-	-	-	(268.150.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.078.038.110.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	(1.113.960.026.039)	378.470.671.196	913.544.702.717	122.671.389.307	3.165.423.489.581
Số dư đầu năm nay	1.078.038.110.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	(1.113.960.026.039)	378.470.671.196	913.544.702.717	122.671.389.307	3.165.423.489.581
Lựa chọn đang chờ phê duyệt	161.698.050.000	-	-	-	-	(161.698.050.000)	-	-
Phát hành Esop	53.900.000.000	-	-	-	-	-	-	53.900.000.000
Chi phí sát nhập	-	-	-	-	143.605.889.931	(191.760.765.902)	-	(48.154.875.971)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	566.144.784.140	4.840.974.086	570.985.758.226
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(291.067.150.000)	-	(291.067.150.000)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	1.149	14	1.163
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1.293.636.160.000	1.786.667.372.400	(8.730.000)	(1.113.960.026.039)	522.076.561.127	835.163.522.104	127.512.363.407	3.451.087.222.999

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**17c Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	123.973.616	107.803.811
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	123.973.616	107.803.811
- Cổ phiếu phổ thông	123.973.616	107.803.811
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(873)	(873)
- Cổ phiếu phổ thông	(873)	(873)
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	123.972.743	107.802.938
- Cổ phiếu phổ thông	123.972.743	107.802.938
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	5.049.330.865.399	6.001.706.392.537
Doanh thu bán hàng hóa	20.027.685.680	81.250.545.722
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.816.531.766	8.551.778.897
Cộng	<u>5.092.175.082.845</u>	<u>6.091.508.717.156</u>

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Văn Minh		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.781.381.702	103.587.959.159
Cộng	<u>73.781.381.702</u>	<u>103.587.959.159</u>

2 Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	4.043.832.905.240	4.683.918.589.749
Giá vốn của hàng hóa	25.941.182.956	32.919.587.868
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.110.177.433	10.969.580.463
Cộng	<u>4.140.884.265.629</u>	<u>4.727.807.758.080</u>

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	29.141.856.593	16.631.296.055
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.309.132.955	38.786.767
Lãi tiền cho vay	4.103.846.401	348.423.751
Cổ tức, lợi nhuận được chia		5.514.698.943
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ		318.248.757
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.209.850.015	24.600.358.910
Cộng	<u>65.764.685.964</u>	<u>47.451.813.183</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4 Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	34.983.047.813	25.578.448.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.684.696.442	989.639.924
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.521.257.475	29.561.921.409
Cộng	61.189.001.730	56.130.010.206
5 Chi phí bán hàng	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	20.239.651.174	24.794.417.875
Chi phí vật liệu, bao bì	3.837.209.811	1.606.035.669
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.492.633.479	999.509.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.745.449.774	274.687.912.156
Chi phí bằng tiền khác	21.423.256.986	39.769.232.145
Cộng	253.738.201.224	341.857.107.384
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	50.231.618.967	46.145.515.842
Chi phí vật liệu quản lý	575.407.568	406.673.170
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.721.240.886	8.171.586.078
Thuế, phí và lệ phí	4.231.037.635	3.466.107.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.982.354.245	5.535.886.539
Chi phí bằng tiền khác	6.031.607.322	17.665.462.676
Cộng	100.773.266.623	81.391.231.497
7 Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền ăn ca, tiền điện		598.295.113
Thu nhập khác	11.247.881.137	2.129.205.401
Thu nhập từ nhượng bán TSCĐ	217.972.103	8.295.833
Cộng	11.465.853.240	2.735.796.347
8 Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền ăn ca, tiền điện	12.504.151.646	747.905.048
Chi phí khác		19.006.529.401
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán		4.651.605.442
Cộng	12.504.151.646	24.406.039.891
9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	566.144.784.140	869.783.245.921
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	23.214.640.817	34.461.147.937
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	23.214.640.817	34.461.147.937
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	542.930.143.323	835.322.097.984
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ	123.972.743	67.426.527
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.379	12.389

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	123.972.743	50.008.875
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ		17.417.652
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	<u>123.972.743</u>	<u>67.426.527</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty sở hữu 100% vốn
Công ty TNHH MTV hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Công ty sở hữu 100% vốn
Công ty Cổ phần Phốt Pho Apatit Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Văn Minh	Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh là vợ của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hóa chất Đức Giang

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Văn Minh		
Trả Văn Minh tiền mua hàng	35.497.113.630	34.088.363.886
Nhập mua vật tư, đồ thí nghiệm	82.677.067.721	103.003.708.403
Thuế GTGT hàng hóa mua vào	8.201.368.627	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác

2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau, do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

2a Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Các khoản loại trừ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này				
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.104.610.783.686	3.986.270.989.998		5.090.881.773.684
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.104.610.783.686	3.986.270.989.998		5.090.881.773.684
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	190.705.315.934	759.292.192.121		949.997.508.055
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(354.511.467.847)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				595.486.040.208
Doanh thu hoạt động tài chính				65.764.685.964
Chi phí tài chính				(61.189.001.730)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết				
Thu nhập khác				11.465.853.240
Chi phí khác				(12.504.151.646)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(28.037.667.810)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu				570.985.758.226

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	35.023.136.975	126.389.961.936	161.413.098.911
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	58.682.861.555	211.772.139.182	58.682.861.555

2b Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Lĩnh vực sản xuất bao gồm: sản xuất bột giặt, hóa chất ...
- Lĩnh vực 2: Lĩnh vực cung cấp dịch vụ bao gồm: cung cấp dịch vụ vận chuyển, cho thuê kho
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực thương mại bao gồm: bán hóa chất, bán fero ...

Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực sản xuất	5.049.330.865.399	6.001.706.392.537
Lĩnh vực thương mại	20.027.685.680	81.250.545.722
Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	22.816.531.766	8.551.778.897
Cộng	5.092.175.082.845	6.091.508.717.156

3 Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.9 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.689.713.963				127.689.713.963
Các khoản cho vay					
Phải thu khách hàng	567.352.857.796				567.352.857.796
Các khoản phải thu khác	9.474.066.019				9.474.066.019
Cộng	704.516.637.778				704.516.637.778
	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.286.866.922				274.286.866.922
Phải thu khách hàng	708.965.080.418				708.965.080.418
Các khoản cho vay					
Các khoản phải thu khác	1.221.494.110				1.221.494.110
Cộng	984.473.441.450				984.473.441.450

3b Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý các tài sản tài chính bằng cách duy trì danh mục các tài sản tài chính có khả năng thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	735.135.200.647			735.135.200.647
Phải trả người bán	129.987.594.733			129.987.594.733
Chi phí phải trả	17.367.782.626			17.367.782.626

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phải trả khác	134.347.587.279			134.347.587.279
Cộng	1.016.838.165.285			1.016.838.165.285
	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.133.082.225.435			1.133.082.225.435
Phải trả người bán	205.790.639.444			205.790.639.444
Chi phí phải trả	18.696.168.208			18.696.168.208
Các khoản phải trả khác	5.527.385.405			5.527.385.405
Cộng	1.363.096.418.492			1.363.096.418.492

Ban Giám đốc Công ty mẹ cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và CNY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

3d Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2019

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.689.713.963	274.286.866.922	127.689.713.963	274.286.866.922
Phải thu khách hàng	567.352.857.796	708.965.080.418	567.352.857.796	708.965.080.418
Phải thu khác	9.474.066.019	1.221.494.110	9.474.066.019	1.221.494.110
Cộng	704.516.637.778	984.473.441.450	704.516.637.778	984.473.441.450

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	735.135.200.647	1.133.082.225.435	735.135.200.647	1.133.082.225.435
Phải trả người bán	129.987.594.733	205.790.639.444	129.987.594.733	205.790.639.444
Chi phí phải trả	17.367.782.626	18.696.168.208	17.367.782.626	18.696.168.208
Các khoản phải trả khác	134.347.587.279	5.527.385.405	134.347.587.279	5.527.385.405
Cộng	1.016.838.165.285	1.363.096.418.492	1.016.838.165.285	1.363.096.418.492

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

5 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên báo cáo tài chính.

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu



Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng



Đào Thị Mai

Tổng giám đốc



Đào Hữu Huyền

